TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154 /2019/DS-ST
Ngày: 14/11/2019.
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Bé.**

2. Ông **Trương Phước Công.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 494/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 456/2019/QĐST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V; địa chỉ: số 02, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; là người đại diện theo pháp luật.

Ông Huỳnh Bảo Q, chức vụ: Giám đốc ngân hàng chi nhánh M; làm đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền theo quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V).

Bà Nguyễn Ngọc Thanh, chúc vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank chi nhánh M, An Giang; làm đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền ngày 22/7/2019.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh S, sinh năm 1973 và bà Đỗ Thị Cẩm H, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không hòa giải được, tại phiên Tòa đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang do bà Nguyễn Ngọc Thanh đại diện ủy quyền trình bày: Ngày 17/8/2017, ông Lê Minh S đại diện bà Đỗ Thị Cẩm H theo giấy ủy quyền số 60/ATT/UQ/2017 đến ngân hàng nông nghiệp – chi nhánh M An Giang – PGD Hký sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 614LAV201701641, số tiền vay 80.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò, thời hạn vay 18 tháng, phân kỳ trả nợ: 01 kỳ (18 tháng/1kỳ), mỗi kỳ trả 80.000.000 đồng, ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 17/8/2018 với số tiền 8.946.666 đồng. Đến ngày khởi kiện ông S còn nợ quá hạn chưa thanh toán nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi vay tạm tính chưa thanh toán tính từ ngày 18/8/2018 đến ngày khởi kiện 22/7/2019 là 10.144.444 đồng.

Khi vay vốn, ông S đã cam kết với ngân hàng đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 359721 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/6/2017, số vào sổ CH03711, diện tích 2.300 m2, thửa 88, tờ bản đồ 3, tọa lạc tại xã An Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang làm tài sản giữ hộ cho sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 6714LAV201701641 ký ngày 17/8/2017. Trường Hợp ông S không có nguồn tiền trả đủ nợ gốc và lãi cho ngân hàng chi nhánh M – PGD Hcó quyền xử lý tài sản nêu trên và các tài sản khác của ông S để thu hồi nợ vay.

Nay, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh thị trấn M, tỉnh An Giang – PGD Hyêu cầu ông Lê Minh S và bà Đỗ Thị Cẩm H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện 14/11/2019

- Nợ gốc: 80.000.000 đồng.
- Nợ lãi: 14.361.111 đồng
- Tổng cộng: 94.361.111 đồng.

Ngoài ra ông S, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V– Chi nhánh thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 15/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông S, bà H không đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng các ông bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà S, ông H yêu cầu trả số tiền vay 80.000.000 đồng, và tiền lãi còn nợ. Đây là tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện C đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà H, ông S vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông S, bà H trả tiền theo sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 6714LAV20170164 số tiền vay vốn gốc 80.000.000 đồng. Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 6714LAV20170164. Tuy nhiên cho đến hôm nay ông S, bà H không có ý kiến gì. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý, đến nay đã hết hạn nhưng vẫn chưa trả vốn gốc. Do bà H, ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền vốn 80.000.000 đồng, đồng là phù hợp Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 14/11/2019 căn cứ theo quy định yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghĩ nên chấp nhận. Tính đến ngày 14/11/2019 số tiền lãi là 14.361.111 đồng, số tiền vốn 80.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 94.361.111 đồng, lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất chậm

trả được quy định theo hợp đồng cho đến khi ông S, bà H thanh toán toàn bộ khoản tiền vay.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/6/2017, số vào sổ CH03711, diện tích 2.300 m^2, thửa 88, tờ bản đồ 3 cho ông Lê Minh S, bà Đỗ Thị Cẩm H hiện nay do Ngân hàng đang quản lý nhưng không có thế chấp mà chỉ là niềm tin với nhau, đại diện Ngân hàng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ông S, bà H thanh toán toàn bộ các khoản tiền đang nợ Ngân hàng.

Xét thấy giữa ông S, bà H là vợ cH trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu S, bà H có nghĩa vụ liên đới trả số nợ cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/11/2019 là 14.361.111 đồng là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc ông S, bà H phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V– chi nhánh thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang số tiền vốn 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 14/11/2019 là 14.361.111 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 94.361.111 đồng. Trường hợp ông S, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà H, ông S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ
Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014.
Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang

Buộc ông Lê Minh S, bà Đổ Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho Ngân nông nghiệp và phát triển nông thôn Vsố tiền vốn 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh tính đến ngày 14/11/2019 là 14.361.111 (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm mười một đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 94.361.111 đồng (chín mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm mười một đồng).

Kể từ ngày 15/11/2019 ông Lê Minh S, bà Đổ Thị Cẩm H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 6714LAV20170164 cho đến khi ông S, bà H thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Vthì lãi suất mà ông S, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V theo quết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí dân sự thẩm: Ông Lê Minh S, bà Đổ Thị Cẩm H phải chịu 4.718.000 đồng (bốn triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Vsố tiền 2.253.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo biên lai số 0013363 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;

-Lưu.

Châu Vũ Sơn